

Số: 10 /NQ-HĐND

An Phú, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

Phê chuẩn việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ  
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư Công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện;

Xét Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về phân bổ chi tiết vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua nội sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về phân bổ chi tiết vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện như sau:

**1. Tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện điều chỉnh, bổ sung là 257.727 triệu đồng, tăng 105.000 triệu đồng so với chỉ tiêu tình giao là 152.456 triệu đồng.**

Trong đó :

- Vốn đầu tư tập trung: 136.456 triệu đồng (bằng chỉ tiêu tỉnh giao).
- Vốn thu tiền sử dụng đất: 121.271 triệu đồng (tăng 105.271 triệu đồng so với chỉ tiêu tỉnh giao là 16.000 triệu đồng. Nguyên nhân tăng nguồn vốn thu tiền sử dụng đất do dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất của huyện trong giai đoạn 2021-2025 đạt 121.271 triệu đồng).

## **2. Đề nghị điều chỉnh, bổ sung các nội dung như sau:**

- *Điều chỉnh giảm 01 danh mục:* Nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị đài truyền thanh cơ sở năm 2023 do chủ đầu tư không thực hiện thi công.

- *Điều chỉnh bổ sung 02 danh mục:*

1. NCMR đường nối ấp Vĩnh Bình đến ấp Vĩnh Thành (Xã Vĩnh Trường);

2. Trùng tu, sửa chữa Đình Khánh Bình.

- *Điều chỉnh cơ cấu vốn danh mục Thực hiện đầu tư như sau:*

+ *Điều chỉnh giảm vốn lĩnh vực Cơ sở hạ tầng kỹ thuật:* 6.268 triệu đồng (Điều chỉnh giảm từ 91.929 triệu đồng xuống 85.661 triệu đồng).

+ *Điều chỉnh giảm vốn lĩnh vực Hạ tầng phúc lợi xã hội:* 1.182 triệu đồng (Điều chỉnh giảm từ 100.504 triệu đồng xuống 99.322 triệu đồng).

+ *Điều chỉnh tăng vốn lĩnh vực Quốc phòng – An ninh:* 1.763 triệu đồng (Điều chỉnh tăng từ 21.892 triệu đồng lên 23.655 triệu đồng).

+ *Điều chỉnh tăng vốn lĩnh vực Quản lý nhà nước – Đảng – Đoàn thể:* 4.401 triệu đồng (Điều chỉnh tăng từ 27.775 triệu đồng lên 32.176 triệu đồng).

+ *Điều chỉnh tăng vốn lĩnh vực Công nợ sau quyết toán:* 1.286 triệu đồng (Điều chỉnh tăng từ 3.500 triệu đồng lên 4.786 triệu đồng).

### ***Nguyên nhân điều chỉnh:***

- Điều chỉnh, bổ sung thực hiện đầu tư 02 danh mục có tính nhu cầu cấp thiết cần triển khai thực hiện trong gian đoạn 2021 – 2025.

- Điều hòa cân đối vốn giữa các danh mục công trình cho phù hợp với nhu cầu vốn của từng danh mục công trình cụ thể.

## **3. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách huyện:**

Bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;

- Đối ứng nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách trung ương (Các Chương trình MTQG, vốn ODA và vay ưu đãi);

- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

- Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định (có văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền).

**4. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện:**

*DVT: Triệu đồng*

STT	Cơ cấu ngành - lĩnh vực đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách huyện theo NQ 13/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND huyện	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách huyện	Tăng (+) Giảm (-) (triệu đồng)	Cơ cấu phân bổ theo lĩnh vực thực hiện đầu tư (%)
1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>257.727</b>	<b>257.727</b>	<b>-</b>	
<b>A</b>	<b>Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận QSDĐ</b>	<b>12.127</b>	<b>12.127</b>	<b>-</b>	
<b>B</b>	<b>Thực hiện đầu tư</b>	<b>245.600</b>	<b>245.600</b>	<b>-</b>	<b>100,00</b>
<b>I</b>	<b>Cơ sở hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>91.929</b>	<b>85.661</b>	<b>(6.268)</b>	<b>34,88</b>
1	Công nghiệp			-	-
2	Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thủy sản - giao thông	89.069	82.801	(6.268)	33,71
	- Giao thông	89.069	82.801	(6.268)	33,71
3	Khoa học và công nghệ	2.860	2.860	-	1,16
<b>II</b>	<b>Hạ tầng phúc lợi xã hội</b>	<b>100.504</b>	<b>99.322</b>	<b>(1.182)</b>	<b>40,44</b>
1	Giáo dục - Đào tạo - Day nghề	76.485	74.832	(1.653)	30,47
2	Y tế	-	-	-	-
3	Phúc lợi - Xã hội - Công cộng	20.038	20.748	710	8,45
4	Văn hóa - Thể thao - Du lịch	3.981	3.742	(239)	1,52
<b>III</b>	<b>Quốc phòng - An ninh :</b>	<b>21.892</b>	<b>23.655</b>	<b>1.763</b>	<b>9,63</b>
<b>IV</b>	<b>Quản lý nhà nước - Đảng - Đoàn thể</b>	<b>27.775</b>	<b>32.176</b>	<b>4.401</b>	<b>13,10</b>
<b>V</b>	<b>Công nợ sau quyết toán</b>	<b>3.500</b>	<b>4.786</b>	<b>1.286</b>	<b>1,95</b>

**5. Danh mục và vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025:** Theo biểu kế hoạch chi tiết đính kèm.

6. Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện An Phú.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết này.

Giao Thường trực, các Ban HĐND và đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện An Phú Khoá VII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký. *VT*

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch - Đầu tư;
- Sở Giao thông - Vận tải;
- Thường trực Huyện ủy;
- UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan ban, ngành, đoàn thể huyện;
- VP. Huyện ủy, HĐND-UBND huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT. *VT*

**TM. CHỦ TỌA KỲ HỌP  
PHÓ CHỦ TỊCH**



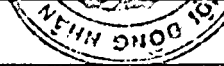
**Trần Văn Rõng**

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN ĐOẠN 2021 - 2025  
THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số: 10/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện An Phú)

Đơn: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Địa điểm XD	Mạng lực thiết kế	Nhóm tự án (A,B,C)	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch DTG: trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện theo NQ số 13/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND huyện			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện điều chỉnh			Tăng giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó					
									Đầu tư tập trung	Thu TSDD		Đầu tư tập trung	Thu TSDD				
1	TỔNG CỘNG	3	4	5	6	7	8	17	18	19	17	18	19	34	20	20	
A	CHI ĐO, ĐẠC, CẤP GCN- QSDĐ						732,464	257,727	136,456	121,271	257,727	136,456	121,271	-			
B	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ						732,464	12,127	12,127	12,127	12,127	12,127	12,127	-			
I	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật						262,988	91,929	44,752	47,177	85,661	39,322	46,339	(6,268)			
a	Công nghiệp																
b	Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thủy sản - giao thông Giao thông vận tải						259,942	89,069	41,892	47,177	82,801	36,462	46,339	(6,268)			
I	Mạng cấp đường GTNT ấp Bình Di, xã Khánh Bình	Khánh Bình	1500m	C	2020-2021	21/6/QĐ-UBND; 18/10/19	4,250	1,455	500	955	1,455	500	955	-	UBND xã Khánh Bình		
2	Nâng cấp sửa chữa lò GTNT ven sông Bình Di thuộc ấp Sa Tô	Khánh Bình	700m	C	2021	24/6/QĐ-UBND; 18/9/2020	1,200	1,196	1,196		1,196	1,196		-	Ban QLDA ĐTXD KV huyện		
3	Đường nông thôn ven bãi Phước Thọ	Đa Phước	805m	C	2021-2022	24/6/QĐ-UBND; 18/9/2020	2,900								Ban QLDA ĐTXD KV huyện		
4	Cầu Hiệp Lợi	Phù Hữu	79,15m	C	2022-2024	24/9/QĐ-UBND; 28/10/2021	10,603	4,812	4,812	4,812	4,105	4,105	4,105	(707)	Ban QLDA ĐTXD KV huyện		
5	Cầu An Phú - Vĩnh Trường	T.T. An Phú - Vĩnh Trường	160m	C	2022-2025	30/11/2022, 6/9/QĐ-UBND; 24/5/2022	39,972	6,438	6,438	6,438	5,327	5,327	5,327	(1,111)	Ban QLDA ĐTXD KV huyện		
6	Cầu Đa Phước - Vĩnh Trường	Đa Phước - Vĩnh Trường	160m	C	2023-2025	34/3/QĐ-UBND; 25/02/2022, 21/4/9/QĐ-UBND; 24/8/2022	42,906	5,000	5,000	5,000	15,252	23,090	8,000	15,190	2,838	Ban QLDA ĐTXD KV huyện	Bổ sung năm 2023
7	Nâng cấp, mở rộng đường Bơ Đồng liên xã	Vĩnh Hậu - Vĩnh Lộc	14-43km	B	2023-2026	25/01/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	144,195	45,000	14,030	30,970	33,749	7,524	26,225	(11,251)	Ban QLDA ĐTXD KV huyện	Nhu cầu NSH đối ứng 74582	

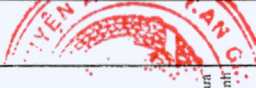


STT	Danh mục công trình	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Nhóm ưu tiên (A,B,C)	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch DTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện theo NQ số 13/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND huyện				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện điều chỉnh				Tăng giảm	Chức đầu tư	Ghi chú
						Số ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó						
								Đầu tư tập trung		Thu TSDD		Đầu tư tập trung		Thu TSDD				
8	Nâng cấp, mở rộng Đường Tôn Thất Tùng (đoạn từ công Ba Dạm đến đường tỉnh 957)	Phù Hòa	466,7m		2021-2022	26,8 (QĐ-UBND ngày 09/10/2020)	1.131	1.131	1.131	1.131	1.131	1.131	1.131	1.131	1.131	0	Ban QLDA DTXD KV huyện	
9	Đường sáo trong nông thôn Thanh Hòa (giai đoạn 2)	Khanh An	40,1km		2021	2.423 (QĐ-UBND ngày 10/9/2020)	1.425	1.425	1.425	1.425	1.425	1.425	1.425	1.425	1.425	0	Ban QLDA DTXD KV huyện	
10	Đường giao thông Ba Đa Mỹ (đoạn 2)	Phù Hòa	376,5m		2021	2.581 (QĐ-UBND ngày 01/10/2020)	613	613	613	613	613	613	613	613	613	0	Ban QLDA DTXD KV huyện	
11	Nâng cấp lộ GTNT xã Vinh Trường (đoạn từ cầu Vinh Trường đến bến đò Châu Phong)	Vinh Trường	700m		2024-2025	2.277 (QĐ-UBND ngày 20/10/2021)	5.500	5.500	5.500	5.500	4.811	689	5.500	4.811	689	0	Ban QLDA DTXD KV huyện	
12	Đường ra cánh đồng đông ông Dạm (giai đoạn 2)	Khanh Bình	800m		2022-2024	2.043 (QĐ-UBND ngày 25/11/2022)	1.247	1.247	1.247	1.247	1.141	1.141	1.141	1.141	1.141	0	Ban QLDA DTXD KV huyện	
13	NGMR đường nối ấp Vinh Bình đến ấp Vinh Thành (Xã Vinh Trường)	Vinh Trường			2023-2025		4.000	4.069	689	3.380	4.069	689	3.380	4.069	689	0	Ban QLDA DTXD KV huyện	Bổ sung năm 2024
c	Khoa học và công nghệ						3.046	2.860	2.860	2.860	2.860	2.860	2.860	2.860	2.860	0		
1	Hệ thống tuyển hình hỏi nghị trực tuyến	TT. An Phú			2021-2023	2.588 (QĐ-UBND ngày 05/10/2020)	3.046	2.860	2.860	2.860	2.860	2.860	2.860	2.860	2.860	0	Văn Phòng HĐND và UBND huyện	
11	Hệ thống phát lợi xã hội						403.501	100.504	43.701	56.803	99.322	50.710	48.612	1.182	1.182	0		
a	Giáo dục - Đào tạo - Dạy nghề						353.655	76.485	25.534	50.951	74.832	32.072	42.760	1.653	1.653	0		
1	Trường mẫu giáo Phước Hưng điểm định (Phước Khanh)	Phước Hưng			2021-2023	2.814 (QĐ-UBND ngày 22/9/2021)	30.409	2.700	1.480	1.220	2.350	1.803	547	350	350	0	Ban QLDA DTXD KV huyện	như câu 6497
2	Trường mẫu giáo Phước Hưng điểm phụ (Phước Hòa)	Phước Hưng			2021-2023	2.219 (QĐ-UBND ngày 27/9/2021)	4.784	880	300	580	668	300	368	(212)	212	0	Ban QLDA DTXD KV huyện	
3	Trường mẫu giáo Phước Hưng điểm phụ (Phước Thành)	Phước Hưng			2021-2023	1.808 (QĐ-UBND ngày 02/8/2021)	5.156	920	480	446	920	480	440			0	Ban QLDA DTXD KV huyện	
4	Trường tiểu học Phước Hưng điểm phụ (Phước Hòa)	Phước Hưng			2021-2023	2.183 (QĐ-UBND ngày 22/9/2021)	14.487	1.290	400	896	1.238	400	838	(32)	32	0	Ban QLDA DTXD KV huyện	

STT	Danh mục công trình	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Nhóm dự án (A,B,C)	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện 22/12/2022 của HĐND huyện		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện điều chỉnh			Tăng giảm	Chủ đầu tư	Chi chủ
						Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Đầu tư tập trung	Thu TSĐĐ	Tổng cộng	Đầu tư tập trung			
5	Trường tiểu học Phước Hưng điểm chính (Phước Thành)	Phước Hưng	Xây dựng mới và cải tạo phòng học và phòng tin học tại 39 điểm trường địa bàn huyện An Phú. Mua sắm bổ sung trang thiết bị	C	2021-2023	2442/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	31.579	3.240	1.200	2.040	2.515	1.604	911	Ban QLDA ĐTXD KV huyện	(725)
6	Trường tiểu học Phước Hưng điểm phụ (Phước Thành)	Phước Hưng	XD lắp đặt, khởi công, lắp, khởi phòng hỗ trợ học tập, khởi phòng CT nước sạch. HTKT. Cai tạo 14ph. NXS. XD lắp đặt, khởi phòng trợ CT nước sạch. HTKT. Cai tạo 177m2	C	2021-2023	2651/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	12.176	1.120	800	320	1.086	800	286	Ban QLDA ĐTXD KV huyện	(34)
7	Trường THCS Phước Hưng	Phước Hưng	XD 12ph. khởi HCQT, khởi học tập, khởi phòng hỗ trợ học tập, khởi phụ trợ CT nước sạch. HTKT. Cai tạo phòng hỗ trợ học tập, khởi phụ trợ TB, DT 13678m2	B	2023-2026	NQ 04/NQ-HĐND, 14/4/2022	52.313	4.300	1.840	2.460	4.000	1.500	2.500	Ban QLDA ĐTXD KV huyện	(300)
8	Trường tiểu học D Phú Hữu (điểm chính)	Phú Hữu	XD 14ph. CT phụ trợ. HTKT. TB. Cai tạo 07ph. thành các phòng chức năng. DT 5621m2	C	2022-2024	394/QĐ-UBND, 04/3/2022. 729/QĐ-UBND, 26/5/2023	20.898	3.228	894	2.334	3.228	3.228	-	Ban QLDA ĐTXD KV huyện	-
9	Trường tiểu học và trung học cơ sở nội trú Khánh An	Khánh An	DT Khu dân cư 14 101m2	C	2022-2025	NQ 15/HĐND, 15/8/2022	79.370	20.638	16.640	3.998	20.638	10.289	10.349	Ban QLDA ĐTXD KV huyện	-
10	Trường tiểu học A Khánh An	Khánh An	XD 20ph. khởi, phòng chức năng NXS, nhà vệ sinh, công trình nước sạch, công HR. HTKT. TB. DT 7020m2	B	2022-2025	3004/QĐ-UBND, 16/12/2021	42.405	4.500	1.500	3.000	4.500	3.500	1.000	Ban QLDA ĐTXD KV huyện	-
11	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông môn giáo dục 2021 - 2025 huyện An Phú	H. AP	Xây dựng mới và cải tạo phòng học và phòng tin học tại 39 điểm trường địa bàn huyện An Phú. Mua sắm bổ sung trang thiết bị	B	2022-2025	NQ 04/NQ-HĐND, 14/4/2022	30.008	30.008	30.008	30.008	30.008	7.000	23.008	Ban QLDA ĐTXD KV huyện	-
12	Chương trình đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các điểm trường trên địa bàn huyện An Phú giai đoạn 2021 - 2025	H. AP	Xả mìn 2.475 m3, cao tạo 1.562 m3	B	2023-2026	NQ 43 NQ-HĐND, 08.12.2021	30.070	3.661	3.661	3.661	3.661	1.168	2.493	Ban QLDA ĐTXD KV huyện	-
b	Y tế			C											
c	Phúc lợi - Xã hội - Công cộng			C			29.527	20.058	14.186	5.852	20.748	14.896	5.852		710

STT	Danh mục công trình	Địa điểm XD	Hình thức đầu tư	Thẩm định (A,B,C)	Thời gian thực hiện	Số ngày, tháng, năm đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó			Tăng giảm	Chức danh tư	Ghi chú	
									Đầu tư tập trung	Thu TSDD	Tổng cộng				
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng và trung tâm thương mại Long Bình	Long Bình	C		2020-2021	218/QĐ-UBND 18/10/19 92/QĐ-UBND ngày 04/05/2019	25.000	15.731	9.879	5.852	15.731	9.879	5.852	Ban QLDA DTXD khu vực huyện	
2	Dầu tư mới nhà lồng chợ Bắc Đại	Nhơn Hội	C		2022-2024	227/QĐ- UBND 20/06/2021	2.000	2.000	2.000	2.772	2.772	772	Ban QLDA DTXD khu vực huyện		
3	Xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư xã Phước Hưng	Phước Hưng	C		2021	231/QĐ- UBND- 28/9/2021	747	654	654	654	654	654	Ban QLDA DTXD khu vực huyện		
4	Sửa chữa hàng rào, làm lối đi chính và bậc thang nhà bia Lũt sĩ huyện An Phú	TT. An Phú	C		2022	227/QĐ- UBND 19/10/2021	900	853	853	853	853	853	Ban QLDA DTXD khu vực huyện		
5	Hệ thống đèn chiếu sáng, cây xanh và an toàn giao thông công cộng huyện	Đa Phước	C		2022-2023	1231/QĐ- UBND ngày 18/8/2022	880	800	800	738	738	62	Ban QLDA DTXD khu vực huyện	Bổ sung năm 2023	
d	Vườn hoa - Thể thao - Du lịch		C				20.319	3.981	3.981	3.742	3.742	239			
1	Nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị đài truyền thanh cơ sở năm 2021	toàn huyện	C		2021	250/QĐ- UBND 2/8/2020	200	200	200	200	200		Đài Truyền thanh huyện		
2	Nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị đài truyền thanh cơ sở năm 2022	toàn huyện	C		2022	250/QĐ- UBND ngày 24/9/2020	200	181	181	181	181		Ban QLDA DTXD khu vực huyện		
3	Nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị đài truyền thanh cơ sở năm 2023	toàn huyện	C		2023	227/QĐ-UBND ngày 21/10/2021	200	200	200			200	Ban QLDA DTXD khu vực huyện	(200)	
4	Nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị đài truyền thanh cơ sở năm 2024	toàn huyện	C		2024	247/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	200	200	200	200	200		Ban QLDA DTXD khu vực huyện		
5	Nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị đài truyền thanh cơ sở năm 2025	toàn huyện	C		2025	247/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	200	200	200	200	200		Ban QLDA DTXD khu vực huyện		
6	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Phước Hưng	Phước Hưng	C		2021-2023	219/QĐ- UBND ngày 23/9/2021	5.267	1.028	1.028	1.028	1.028		Ban QLDA DTXD khu vực huyện		
7	Cải tạo Trung Phước Trường	Vinh Trường	C		2022-2023	Phục dựng đình đích 23km2 phục dựng nhà khách 90m2	5.037	1.170	1.170	470	470		Ban QLDA DTXD khu vực huyện	(700)	
8	Cải tạo Đình Vĩnh Thành	Vinh Trường	C		2023-2023	Cải tạo khôi phục đình 27m2 nhà khách 197m2, 2 Mái 2.3m2 nhà	3.515	802	802	523	523		Ban QLDA DTXD khu vực huyện	(279)	
9	Trung tu, sửa chữa Đình Khánh Bình	Khánh Bình	C		2023-2023	1646/QĐ- UBND 16/10/2023	5.500			940	940		Ban QLDA DTXD khu vực huyện	Nhu cầu 940 Bổ sung năm 2024	





STT	Danh mục công trình	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Nhóm dự án (A,B,C)	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch BTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện theo NO số 13/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND huyện				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện điều chỉnh				Tăng giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó						
									Đầu tư tập trung	Thu TSDD		Đầu tư tập trung	Thu TSDD					
III	<b>Quốc phòng - An ninh :</b>			C				21,892	16,777	5,115	23,655	17,937	5,718	1,763	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
1	XD Ban Chỉ huy quân sự thị trấn Long Bình	Long Bình		C	2024-2025	2280/QĐ-UBND, 21/10/2021	4,377	4,377	4,377	4,377	5,657	5,657	-	1,280	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
2	Xây dựng nhà truyền thống huyện, đội	TT. An Phú	180m2	C	2021-2022	2611/QĐ-UBND, 07/10/2020	1,100	1,060	1,060	1,060	1,060	1,060	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
3	Xây dựng nhà kho + CSHT Ban chỉ huy quân sự huyện An Phú	TT. An Phú		C	2021-2025	1999/QĐ-UBND, 09/9/2021	1,218	1,098	1,098	1,098	1,098	1,098	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
4	Xây dựng đường dẫn, công hàng rào Ban chỉ huy quân sự xã Phước Hưng	Phước Hưng		C	2021-2025	2000/QĐ-UBND, 09/9/2021	1,100	903	903	903	903	903	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
5	Nâng cấp nhà ăn Ban CHQS huyện	TT. An Phú		C	2021-2025	2285/QĐ-UBND, 22/10/2021	500	500	500	500	500	500	620	620	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	nhu cầu 1,120 (CĐT chưa điều chỉnh)		
6	Nâng cấp cải tạo nhà ăn xã tru xã Xã Đồi Khánh An	Khánh An	100 m2	C	2021-2025	2286/QĐ-UBND, 22/10/2021	800	800	800	800	800	800	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
7	Nâng cấp, cải tạo Tru xã Công an xã Khánh An	Khánh An		C	2022-2024	2096/QĐ-UBND, 24/9/2021	3,421	3,399	3,399	3,399	3,175	3,175	-	(224)	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
8	Nâng cấp, cải tạo Tru xã Công an xã Phú Hội	Phú Hội		C	2022-2024	2097/QĐ-UBND, 24/9/2021	4,608	4,240	4,240	4,240	4,428	4,428	-	188	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
9	Cải tạo, sửa chữa trụ sở công an xã Phú Hữu	Phú Hữu		C	2023	2293/QĐ-UBND, 27/10/2021	400	400	400	400	316	316	-	(84)	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
10	Tạo quỹ đất đầu tư xây dựng mô hình trụ sở Công an huyện An Phú (giai đoạn 2)	TT. An Phú	11000m2	C	2021-2022	1674/QĐ-UBND, 21/7/2021	6,000	5,115	5,115	5,115	5,098	5,098	-	(17)	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	còn 17tr chưa có hs để thanh		
IV	<b>Quản lý nhà nước - Đảng - Đoàn thể</b>			C			37,665	27,726	49	32,176	23,701	8,475	4,401					
1	Sửa chữa trụ sở Khối văn xã Nhơn Hội	Nhơn Hội		C	2024	2287/QĐ-UBND, 25/10/2021	500	500	500	500	500	500	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
2	Sửa chữa văn phòng 02 ấp xã Nhơn Hội	Nhơn Hội		C	2024	2288/QĐ-UBND, 25/10/2021	450	450	450	450	450	450	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
3	Cải tạo sửa chữa văn phòng ấp Phú Nhơn	Phú Hội	60m2	C	2024	2289/QĐ-UBND, 25/10/2021	400	300	300	300	300	300	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
4	Cải tạo Văn phòng ấp Phú Mỹ	Phú Hội	50 m2	C	2021-2022	2597/QĐ-UBND, 06/10/2020	222	159	159	159	159	159	-	-	UBND xã Phú Hội			
5	Cải tạo Văn phòng ấp Phú Trung	Phú Hội	40 m2	C	2021-2022	2598/QĐ-UBND, 06/10/2020	225	148	148	148	148	148	-	-	UBND xã Phú Hội			
6	Cải tạo Văn phòng ấp Phú Nghĩa	Phú Hội	40 m2	C	2022	2284/QĐ-UBND, 22/10/2021	200	166	166	166	166	166	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
7	Cải tạo Văn phòng ấp Phú Thuận	Phú Hội	40 m2	C	2023	2290/QĐ-UBND, 26/10/2021	200	200	200	200	168	168	-	(32)	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			





STT	Danh mục công trình	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Nhóm dự án (A,B,C)	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện ngày 22/12/2022 của HĐND huyện			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện điều chỉnh			Tăng giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó				
									Đầu tư tập trung	Thu TSDD		Đầu tư tập trung	Thu TSDD			
23	Cải tạo, sửa chữa Phòng làm việc UBND huyện	TT. An Phú		C	2023	2305/QĐ-UBND; 29/10/2021	900	900	900	900	1,125	1,125	225	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện		
24	Nâng cấp, mở rộng trụ sở Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện An Phú	TT. An Phú	CT nhà dân xã; MR phòng các ngành: HTKT, TB	C	2022-2023	1256/QĐ-UBND; 22/8/2022	1,500	1,500	1,426	1,426	1,426	(74)	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	Bổ sung năm 2023		
V	Cộng nợ sau quyết toán				2021-2025		4,786	3,500	4,786	4,786	4,786	1,286	Các Chủ đầu tư			